

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 19/05/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 80

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Hôm nay, tôi giảng kinh văn phẩm thứ ba mươi chín.

PHẨM BA MƯƠI CHÍN: TỪ THỊ THUẬT CHỖ THẤY

Kinh văn của phẩm này vẫn là nói về việc “chứng tín, trừ nghi”. Bồ-tát Di-lặc thuật lại những gì ngài nhìn thấy, dùng đó để chứng minh lời Phật nói là chân thật không hư dối. Những y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc mà các phẩm trước diễn nói đều do kim khẩu của Thế Tôn tuyên thuyết. Còn hiện tại là thánh chúng dự hội đích thân thuật lại những gì mắt mình nhìn thấy. Đồng thời còn thấy những người đến Cực Lạc theo hình thức thai sanh bị hãm trong nghi thành, điều này khiến đại chúng càng hiểu rõ về mối họa của tâm nghi hoặc.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Bấy giờ, Phật bảo A-nan và Bồ-tát Từ Thị rằng: các ông có thấy cung điện, lầu các, suối ao, rừng cây ở thế giới Cực Lạc đầy đủ thanh tịnh vi diệu trang nghiêm không? Các ông có thấy chư thiên ở Dục giới cho đến trời Sắc Cứu Cánh tuôn các hương hoa khắp cõi Phật không? A-nan bạch rằng: dạ vâng, chúng con đã thấy. Các ông có nghe thấy tiếng lớn của A-di-đà Phật truyền khắp tất cả thế giới để giáo hóa chúng sanh không? A-nan thưa: dạ vâng, chúng con đã nghe. Đức Phật bảo: các ông có thấy chúng tịnh hạnh ở cõi đó, dạo trong hư không, cung điện tùy thân, không bị chướng ngại, đến khắp mười phương cúng dường chư Phật không, và thấy họ niệm Phật liên tục không? Lại có các loài chim bay giữa hư không, hát lên đủ loại âm thanh, đều do biến hóa làm ra, các ông có thấy hết không? Ngài Từ Thị bạch rằng: chúng con đều thấy mỗi thứ đúng như lời Phật nói.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Bấy giờ, Phật bảo A-nan và Bồ-tát Từ Thị rằng: các ông có thấy cung điện, lầu các, suối ao, rừng cây ở thế giới Cực Lạc đầy đủ thanh tịnh vi diệu trang nghiêm không? Các ông có thấy chư thiên ở Dục giới cho đến trời Sắc Cứu Cánh tuôn các hương hoa khắp cõi Phật không? A-nan bạch rằng: dạ vâng, chúng con đã thấy.”

Phật hỏi tôn giả A-nan và ngài Di-lặc: các ông có nhìn thấy cung điện, lầu các, suối ao, rừng cây v.v. nơi Cực Lạc đều thanh tịnh vi diệu, trang nghiêm thù thắng không? Có nhìn thấy chư thiên Dục giới, cho đến thiên nhân trời Sắc Cứu Cánh đều ở giữa hư không rải trăm ngàn hoa hương, trùm khắp toàn bộ cõi Phật không? Ngài A-nan đáp rằng: con đã nhìn thấy. Tôn giả A-nan là người kết tập kinh tạng, Bồ-tát Di-lặc là vị Phật sẽ hạ sanh trong tương lai. Phật đem pháp môn này phó chúc cho hai vị Bồ-tát này, đây chính là đại sự nhân duyên. Việc để các ngài tận mắt nhìn thấy thế giới Cực Lạc là nhằm giúp đại chúng chúng tín, trừ nghi.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Các ông có nghe thấy tiếng lớn của A-di-đà Phật truyền khắp tất cả thế giới để giáo hóa chúng sanh không? A-nan thưa: dạ vâng, chúng con đã nghe. Đức Phật bảo: các ông có thấy chúng tịnh hạnh ở cõi đó, dạo trong hư không, cung điện tùy thân, không bị chướng ngại, đến khắp mười phương cúng dường chư Phật không, và thấy họ niệm Phật liên tục không? Lại có các loài chim bay giữa hư không, hát lên đủ loại âm thanh, đều do biến hóa làm ra, các ông có thấy hết không? Ngài Từ Thị bạch rằng: chúng con đều thấy mỗi thứ đúng như lời Phật nói.”

Thế Tôn lại hỏi: các ông có nghe thấy âm thanh thuyết pháp của A-di-đà Phật trùm khắp hư không pháp giới để giáo hóa chúng sanh không? Ngài A-nan đáp: con đã nghe thấy. Phật lại hỏi: các ông có nhìn thấy các Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc dạo chơi giữa hư không, cung điện tùy thân, đến khắp mười phương để cúng dường chư Phật không? Có thấy thánh chúng niệm Phật tiếp nối chẳng dứt hay không? Lại có các loài chim ở giữa hư không phát ra các loại pháp âm, đều do A-di-đà Phật biến

hóa làm ra, những điều này các ông đều thấy cả rồi chứ? Ngài Di-lặc đáp rằng: như lời Phật dạy, chúng con đều nhìn thấy cả.

“Và thấy họ niệm Phật liên tục không?”, thánh chúng ở Cực Lạc niệm Phật tương tục, đây chính là cốt tủy trong bốn nguyện của đức Di-đà: biển nguyện Nhất thừa, sáu chữ hồng danh trùm khắp ba căn, gồm thân vạn loại; phàm phu phát tâm, mười niệm đốn chứng bất thoái; bậc Đại sĩ tu hành, đến Thập địa cũng không rời niệm Phật. Cho nên, phàm phu sau khi niệm Phật vãng sanh, vẫn còn phải niệm Phật. Hơn nữa là niệm niệm tiếp nối, cho đến tận đời vị lai. Thế nên, Phật đã đặc biệt chỉ dạy cho các Đại sĩ, để các ngài tận mắt thấy, tận tai nghe, hồng làm chứng cho đại chúng.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Phật bảo Di-lặc: nhân dân ở nước đó có hạng thai sanh, ông có thấy chăng? Ngài Di-lặc bạch rằng: bạch Thế Tôn, con thấy người thế giới Cực Lạc ở trong thai như ở trong cung điện cõi trời Dạ-ma. Lại thấy chúng sanh ngồi kiết-già ở trong hoa sen, tự nhiên hóa sanh. Do nhân duyên gì nhân dân ở nước đó có hạng thai sanh, có hạng hóa sanh?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: thế giới Tây Phương Cực Lạc có kẻ thai sanh, ông có nhìn thấy không? Bồ-tát Di-lặc thưa: con nhìn thấy ở thế giới Cực Lạc có những người ở trong thai, họ vui sướng giống như thiên nhân cõi trời Dạ-ma vậy. Đồng thời, con lại thấy có những người ngồi kiết-già trong hoa sen, tự nhiên hóa sanh. Vì sao ở thế giới Cực Lạc, có người là thai sanh, có người là hóa sanh? Người hóa sanh là tự nhiên hóa sanh ở trong hoa sen, còn người thai sanh chẳng phải sanh ra trong bào thai của mẹ, mà thật ra cũng là tự nhiên hóa sanh. Chỉ là mượn từ “thai sanh” để làm ví dụ, nhằm nói rõ rằng những người này nghi hoặc chưa đoạn, thiếu khuyết trí tuệ, vẫn còn chướng ngại, giống như đứa trẻ ở trong bào thai. Đây là do nguyên nhân gì? Trong phẩm thứ bốn mươi “Biên địa nghi thành”, Phật sẽ giảng nói chi tiết về những nhân duyên trong đó.

Tiếp theo, tôi nói về cảm ngộ học tập kinh văn phẩm thứ ba mươi chín.

Cảm ngộ thứ nhất: Thế Tôn từ bi đến cực điểm, trí tuệ đến cực điểm, trăm phương nghìn kế khuyên bảo chúng sanh mạng pháp càng càng khó giáo

hóa, giúp họ xác thực niềm tin, trừ bỏ nghi ngờ, cầu sanh Tịnh độ. Bạn không cảm thấy Phật là người thân gần gũi và thân thiết nhất của chúng ta sao?

Trước khi học Phật, tôi luôn cho rằng cha mẹ là những người thân thiết nhất của tôi, không ai có thể vượt hơn cha mẹ. Sau khi kết hôn, cha chồng và mẹ chồng cũng hết mực thương yêu tôi, thậm chí còn nuông chiều tôi hơn cả cha mẹ ruột. Bốn vị trưởng bối che chở cho tôi, khiến tôi sống vô ưu vô lo như một thiên sứ hạnh phúc. Bạn bè, đồng nghiệp đều rất ngưỡng mộ tôi, họ bảo: “Chị thật là hạnh phúc.” Thế nhưng đến năm 1984, cha chồng ra đi; năm 1985, mẹ ruột ra đi; năm 1986, cha ruột ra đi; năm 1988, mẹ chồng cũng ra đi. Tôi bàng hoàng ngơ ngác, sao mọi người đều ra đi hết cả vậy? Tôi còn chưa kịp trưởng thành mà. Suốt một thời gian dài tôi không thể nào thích nghi được, cứ ảo tưởng rằng một ngày nào đó họ sẽ đột nhiên xuất hiện trước mắt mình. Chẳng phải người ta nói “80 tuổi vẫn còn mẹ” đó sao, vậy tại sao tôi mới 40 tuổi đã không còn mẹ!

Mọi người còn nhớ bài “thỉnh thầy trụ thế” khác người của tôi không? “Su phụ, su phụ đừng đi nhé, con vẫn còn chưa kịp lớn khôn; su phụ, su phụ hãy chờ con, trưởng thành cùng thầy trở về nhà.” Các đồng tu chắc là cười nhạo tôi: “Cô đã ngoài 70 rồi mà còn nói chưa lớn khôn, vậy bao giờ mới trưởng thành đây?” Su phụ ngài đã ra đi, tôi đã trưởng thành rồi, tôi phải làm một đại trượng phu đội trời đạp đất. Tôi nghĩ, su phụ ngài nhất định sẽ thích nghe lời này của tôi.

Tôi ngưỡng mộ nhất một người, đó chính là vị đệ tử thượng thủ của Phật - ngài Xá-lợi-phất. Vì sao vậy? Bởi vì ngài Xá-lợi-phất 80 tuổi vẫn còn mẹ. Tám mươi tuổi ở trước mặt mẹ vẫn là một đứa trẻ, đó chính là đứa trẻ hạnh phúc nhất trên đời.

Lần thứ ba viết bản thảo phúc giảng kinh Vô Lượng Thọ, cảm xúc trong tôi rất nhiều, khác hẳn với lần thứ nhất và thứ hai viết bản thảo. Tôi chợt cảm thấy mình đã lớn rồi, đã hiểu chuyện rồi, đã trưởng thành rồi, không thể để người thân lo lắng cho mình thêm nữa. Ai là người thân của chúng ta? Phật chính là người thân của chúng ta. Mặc dù chúng ta cang cường khó giáo hóa, nhưng Phật đối với chúng ta trước sau vẫn không rời không bỏ. Chúng ta phải cảm ơn, phải biết ơn và báo ơn. Chúng ta phải nhớ kỹ rằng:

A-di-đà Phật là người thân của chúng ta!

A-di-đà Phật là người thân duy nhất của chúng ta!

A-di-đà Phật là người thân duy nhất mà chúng ta có thể nương tựa!

Cảm ngộ thứ hai: Vì sao Phật phó chúc pháp môn Tịnh độ niệm Phật cho ngài A-nan và Bồ-tát Di-lặc? Hóa ra đây chính là một đại sự nhân duyên khi Thế Tôn thị hiện thành Phật ở thế giới Ta-bà.

Tôn giả A-nan là người kết tập kinh tạng, là người thỉnh pháp và cũng là bậc đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ. Bồ-tát Di-lặc là vị Phật sẽ hạ sanh trong tương lai, cũng là bậc đương cơ trong pháp hội kinh Vô Lượng Thọ này. Vì sao Thế Tôn lại phó chúc pháp môn Tịnh độ niệm Phật cho tôn giả A-nan và Bồ-tát Di-lặc? Đại sự nhân duyên này là gì? Tôi hiểu theo mấy điểm sau đây, chỉ là tâm đắc học tập của cá nhân tôi, cung cấp để các đồng tu tham khảo, nếu nói sai tôi tự chịu nhân quả.

Điểm thứ nhất: vì sự truyền thừa đại pháp vô thượng. Người được tuyển chọn cho việc truyền thừa này cực kỳ quan trọng, không phải tùy tiện tìm hai người là có thể giao phó. Nói một cách đơn giản, người đó phải “đủ tư cách”.

Điểm thứ hai: tôn giả A-nan và Bồ-tát Di-lặc đều là những người có thân phận đặc biệt. Ngài A-nan là bậc “đa văn đệ nhất” trong mười đại đệ tử của Phật, là người kết tập kinh tạng. Bồ-tát Di-lặc là vị Phật hạ sanh trong tương lai, là vị Phật thứ năm trong Hiền kiếp, là người kế thừa của Thích-ca Mâu-ni Phật. Thế Tôn đem đại pháp vô thượng vi diệu này phó chúc cho ngài A-nan và Di-lặc là điều không còn gì phù hợp hơn thế nữa.

Điểm thứ ba: cả hai vị đều là bậc đương cơ trong pháp hội kinh Vô Lượng Thọ. Việc thỉnh pháp và hộ pháp cùng hội tụ nơi một người, thật là “hoàn hảo không tì vết”. Tuyệt vời thay!

Điểm thứ tư: các ngài là những người tham gia pháp hội kinh Vô Lượng Thọ. Việc các ngài tận mắt thấy, tận tai nghe sẽ giúp chúng sanh xác thực niềm tin, giải trừ nghi hoặc, cầu sanh Tịnh độ.

Ví dụ: các ngài tận mắt nhìn thấy cung điện, lầu các, suối ao, rừng cây v.v. của Cực Lạc vi diệu thanh tịnh, thù thắng trang nghiêm; thấy chư thiên Dục giới và trời Sắc Cứu Cánh ở giữa hư không rải trăm ngàn hoa hương trùm khắp cõi Phật; thấy các Bồ-tát ở Cực Lạc dạo chơi giữa hư không, cung điện tùy thân, đến khắp mười phương cúng dường chư Phật; thấy thánh chúng niệm Phật liên tục chẳng dứt; thấy các loài chim ở giữa hư không phát ra các loại pháp âm v.v.. Những điều này

đều là tôn giả A-nan và Bồ-tát Di-lặc tận mắt thấy, tận tai nghe. Cho nên, các ngài giới thiệu những điều này cho đại chúng sẽ có sức thuyết phục nhất, có thể giúp mọi người “chứng tín trừ nghi”.

Tiếp theo, tôi giảng kinh văn phẩm thứ bốn mươi.

PHẨM THỨ BỐN MƯỜI: BIÊN ĐỊA NGHI THÀNH

Kinh văn của phẩm này nói về nguyên nhân của thai sanh, mượn điều này để khuyên răn đại chúng nên sanh khởi lòng tin sâu sắc, nhằm tránh rơi vào biên địa nghi thành. Trong 500 năm thường không được thấy Phật, không được nghe kinh pháp. Có thể thấy rằng, tín nguyện thực sự là gốc rễ của việc vãng sanh thấy Phật. Ngoài ra còn có những người sanh về nước Giải Mạn, đó là do tâm giải đãi, kiêu mạn và tâm cầu sanh không kiên cố mà ra.

Mời xem kinh văn:

Phật bảo ngài Từ Thị: nếu có chúng sanh dùng tâm nghi hoặc tu các công đức, nguyện sanh về nước ấy, song không hiểu rõ Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đối với các trí này, nghi hoặc không tin, nhưng vẫn tin tội phước, tu tập gốc lành, nguyện sanh về nước ấy.

“Dùng tâm nghi hoặc tu các công đức”, Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: có những chúng sanh “tin sự nhưng mê lý”, tuy cũng làm các công đức, nhưng trong tâm chưa đoạn nghi, không thể thấu đạt trí tuệ của Phật. Đối với những trí tuệ như: bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, trong tâm họ vẫn có sự hoài nghi. Tuy nhiên họ có thể tin vào nhân quả, tin có thể giới Cực Lạc, có A-di-đà Phật, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, do đó họ rơi vào biên địa nghi thành.

Thế nào gọi là biên địa? Đại sư Đàm Loan nói: trong 500 năm thường không được thấy Phật, không được nghe kinh pháp, không được thấy Bồ-tát và thánh chúng Thanh văn. Có lẽ vì sanh nơi mép rìa của Tịnh độ Cực Lạc nên gọi là “biên địa”, đại sư cũng không dám khẳng định điều này.

Thế nào gọi là nghi thành? Dùng tâm nghi hoặc mà niệm Phật thì sanh vào cung điện bảy báu nơi biên địa của Cực Lạc. Đây là chỗ cư ngụ của những người có lòng nghi hoặc, nên gọi là “nghi thành”.

Thế nào gọi là thai sanh? Ví như đứa trẻ trong bào thai, tuy đầy đủ mắt tai mũi lưỡi, nhưng không khởi được tác dụng, nên gọi là “thai sanh”. Sư Vọng Tây nói: biên địa nghi thành và thai sanh là một thứ, chỉ là tên gọi khác nhau mà thôi.

Trong kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ nói: nếu có người lúc lâm chung biết trước ngày giờ, chánh niệm phân minh, tắm gội thay áo, an tường ra đi, quang minh chiếu thân, thấy tướng hảo của Phật, các điềm lành đồng hiện, người này chắc chắn vãng sanh Tịnh độ. Kế đến, nếu có người trì giới niệm Phật nhưng thiếu tâm tinh tấn, lúc lâm chung không có tướng lành cũng không có tướng xấu, như đang ngủ mà ra đi; người này nghi tình chưa đoạn nên sanh về biên địa, cũng gọi là vãng sanh Tịnh độ. Còn như, người lúc lâm chung hiện tướng xấu thì nhất định sẽ không vãng sanh.

Khi phán đoán những hiện tượng này, nhất định phải căn cứ vào thánh ngôn lượng và kinh điển. Nếu dựa vào ý riêng của mình để phán đoán thì tuyệt đối sai lầm. Nói lời thật lòng, cho dù sanh về biên địa cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng. Phần lớn mọi người đều phải dựa vào biên địa để giải quyết vấn đề. Do vậy đức Di-đà đại từ đại bi, ngay cả những người như vậy ngài cũng nhiếp thọ.

Ngoài ra, ở khoảng giữa cõi này và Cực Lạc, cách 5 vạn ức cõi Phật, còn có một nước gọi là Giải Mạn, nơi này cũng thuộc về biên địa nghi thành. Trong kinh Bồ-tát Xử Thai nói: những người cầu sanh Cực Lạc, nửa đường sanh khởi tâm giải đãi và ngã mạn, nên không thể tiến về cõi nước Cực Lạc. Những người sanh về nước Giải Mạn, trong ức vạn người khó có được một người vãng sanh Cực Lạc. Nguyên nhân do đâu? Đó là vì tâm cầu sanh không kiên cố, không hiểu rõ bốn loại trí tuệ của Phật mà ra.

1. Bất tư nghị trí.

Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: trí tuệ của Phật uyên bác thâm sâu, ngoại trừ Phật ra, không ai có thể suy lường được.

2. Bất khả xưng trí.

Trí tuệ của Phật không có cùng tận, chẳng thể dùng ngôn ngữ để biểu đạt.

3. Đại thừa quảng trí.

Trí tuệ của Phật thấu triệt nguồn gốc của tất cả pháp môn, không gì không thông đạt.

4. Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí.

Trí tuệ của Phật chẳng thể so sánh, hết thảy trí tuệ đều không bì kịp.

Đại sư Nguyên Hiếu đã tiến hành luận thuật tổng hợp bốn loại trí tuệ trên với bốn loại trí tuệ của việc “chuyển thức thành trí”. Đại sư nói rằng:

1. Bất tư nghị trí chính là thành sở tác trí.

Chuyển năm thức thành trí, gọi là thành sở tác trí. Trí tuệ này có thể làm được những việc không thể nghĩ bàn. Ví dụ: một niệm xưng danh hiệu Phật, vĩnh viễn tiêu trừ trọng tội trong nhiều kiếp, công đức của mười niệm có thể giúp sanh đến Tịnh độ ở ngoài tam giới. Đây không phải là điều chúng sanh có thể suy lường, cho nên gọi là bất tư nghị trí.

2. Bất khả xưng trí chính là diệu quan sát trí.

Trí tuệ này có thể quan sát được những cảnh giới không thể suy lường, gọi là “hết thảy pháp như huyễn như mộng, chẳng phải có, chẳng phải không, lìa lời nói, dứt suy tư”. Kệ tụng trong Đại Kinh Giải nói: “Đạt được ý chỉ cốt ở việc quét sạch tình kiến.” Chỉ có dẹp hết tình kiến, lìa ngôn ngữ, dứt bật suy tư thì mới đạt được ý chỉ. Đây không phải là điều mà ngôn ngữ có thể biểu đạt, cho nên gọi là bất khả xưng trí.

3. Đại thừa quảng trí chính là bình đẳng tánh trí.

Trí tuệ này khác với pháp Tiểu thừa, có thể rộng độ tất cả chúng sanh. Tự tại trong vô ngã, đồng thời cái “vô ngã” ấy cũng không có, do đó có thể bình đẳng nhiếp thọ, kẻ oán người thân đều bình đẳng, tất cả đều bình đẳng. Dùng sức mạnh của trí tuệ đồng thể này để phổ độ vô lượng chúng sanh cùng chúng vô thượng bồ-đề, cho nên gọi là Đại thừa quảng trí.

4. Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí chính là đại viên kính trí.

A-lại-da thức chuyển thành trí, mới có thể thực sự trở về nguồn tâm. Tất cả chủng tử và cảnh giới không gì là không soi chiếu toàn vẹn, nên gọi là đại viên kính trí. Ở trong tâm gọi là “chủng tử”, hóa hiện ra ngoài tâm gọi là “cảnh giới”. Đại viên kính trí có năm điểm thù thắng:

Thứ nhất, vô đẳng: đại viên kính trí chính là pháp thân, điều này khác biệt với Nhị thừa.

Thứ hai, vô luân: thành sở tác trí, diệu quan sát trí, bình đẳng tánh trí đều là những trí mà Bồ-tát dần dần đạt được. Riêng đại viên kính trí này, duy chỉ có Phật mới có thể đôn chứng, chúng sanh khác không cách nào đạt tới.

Thứ ba, tối: trí tuệ này vượt qua cả bất tư nghị trí.

Thứ tư, thượng: trí tuệ này vượt trên cả bất khả xưng trí.

Thứ năm, thắng: trí tuệ này rộng lớn hơn cả Đại thừa quảng trí.

“Dùng tâm nghi hoặc tu các công đức”, “dùng tâm nghi hoặc” có bốn hàm nghĩa:

Thứ nhất, không tin bất tư nghị trí. Hoài nghi rằng niệm A-di-đà Phật chưa chắc có thể sanh về Cực Lạc. Họ không biết rằng bất tư nghị trí có đại uy lực mà sự suy lường chẳng thể đạt tới. Tất cả vạn pháp không gì ngoài tự lực và tha lực, tự nhiếp và tha nhiếp, thiên biến vạn hóa, vô lượng vô biên. Sao có thể dùng tình kiến hữu ngại của phàm phu mà hoài nghi diệu pháp vô ngại của Như Lai? Há chẳng biết một chiếc gương nhỏ có thể hiện ra muôn loại hình tướng, một đốm lửa nhỏ có thể thiêu rụi củi khô đã chất ngàn năm đó sao? Thế nên, một niệm chí tâm xưng danh tiêu trừ tám mươi ức kiếp tội nặng sanh tử; đối với việc “mười niệm ắt sanh”, có gì để hoài nghi nữa!

Thứ hai, không tin bất khả xưng trí. Sư Đàm Loan nói: bất khả xưng trí không phải là thứ đối lập, mà là dứt sạch mọi đối đãi, chẳng thể đo lường. Vì sao nói như vậy? Nếu pháp là “có”, ắt phải có trí tuệ “biết có”. Nếu pháp là “không”, ắt phải có trí tuệ “biết không”. Bởi vì các pháp lìa khỏi “có” và “không”, nên bản thể của pháp này lìa mọi đối đãi. Như kinh Lăng-nghiêm nói: con là Văn-thù thật, không có “phải Văn-thù”. Nếu là “phải Văn-thù”, ắt có hai Văn-thù. Vì con là Văn-thù thật, nên không nói con “phải” Văn-thù. Nếu nói con “phải” Văn-thù, ắt có cái “chẳng phải Văn-thù” đối lại, tức biểu thị có hai Văn-thù. Bốn câu này của Bồ-tát Văn-thù thẳng thừng và dứt khoát! Tóm lại, dù nói “phải” hay nói “trái” thì đều nằm trong sự đối đãi. Bởi vì niệm Phật vãng sanh là do bất khả xưng trí mà thành tựu, cho nên công đức niệm Phật cũng chẳng thể đo lường. Do không thấu đạt bất khả xưng trí nên trong tâm nghi hoặc không tin.

Thứ ba, không tin Đại thừa quảng trí. Hoài nghi Phật không thể độ hết tất cả chúng sanh. Lại hoài nghi nhiều chúng sanh niệm Phật như thế, sao toàn bộ có thể

vãng sanh Tịnh độ được. Họ đã khởi lên một suy nghĩ hạn lượng đối với đức Di-đà. Đại thừa quảng trí diễn bày diệu nghĩa “tâm này là Phật, tâm này làm Phật”, khiến chúng sanh dùng niệm Phật để nhập vào vô niệm, nhờ vãng sanh mà chứng vô sanh. Do đó có thể khiến chúng sanh niệm Phật đều được vãng sanh Tịnh độ. Phật khiến chúng sanh lìa khỏi mọi đối đãi, gọi là độ sanh. Gọi là “độ hết tất cả chúng sanh” song thực ra không có “người độ” và “kẻ được độ”, cũng không có “hết” hay “không hết”. Cái gọi là “Phật trí” không có sự chuyên chở, nhưng đồng thời lại chuyên chở tất cả chúng sanh đều chứng nhập vô dư niết-bàn. Do đối với điều này nghi hoặc không tin, cho nên gọi là không tin Đại thừa quảng trí.

Thứ tư, không tin vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Hoài nghi Phật chưa đắc được nhất thiết chủng trí. Đối với pháp môn Tịnh độ do trí tuệ của Phật lưu hiện ra cũng không thể sanh khởi chánh tín, cho nên chiêu cảm thọ báo nơi biên địa nghi thành. Sư Nguyên Hiểu nói: trí tuệ của Phật, chúng sanh không thể suy lường, duy chỉ có ngưỡng tin. Vậy ngưỡng tin như thế nào? Trong Khởi Tín Luận nói: tất cả cảnh giới đều là sự hiển hiện của nhất tâm, lìa khỏi cảnh giới tướng niệm. Nhà khoa học cũng nói: cảnh giới là do cảm nhận sai lầm của chúng sanh tạo ra. Những cảnh giới này là do vọng tưởng mà hiện ra, vốn dĩ chẳng có một vật. Chư Phật thấu đạt rằng “các tướng” đều “chẳng phải tướng”, cho nên lìa khỏi những gì được thấy mà hiển hiện ra thể tánh chân thật. Tự tánh có thể hiển hiện tất cả pháp hư vọng, đồng thời có thể thấu đạt tất cả pháp hư vọng, thấu tỏ rằng chúng sanh chỉ là hư vọng, vốn dĩ chính là Phật. Trí tuệ này là “không có gì để thấy”, mà cũng “không có gì là không thấy”. Dùng điều này để đối trị tâm nghi hoặc của chúng sanh.

Sư Nguyên Hiểu lại nói: nếu không trừ bốn loại nghi hoặc trên, dù sanh về Cực Lạc cũng chỉ có thể đến được biên địa. Nói chính xác hơn là, nếu không thực sự hạ thủ công phu, dù có nghe pháp cũng không thể hiểu. Chỉ có không ngừng tăng trưởng tín nguyện, trừ sạch mọi nghi hoặc thì mới có thể rời khỏi biên địa. Nếu không thể hoàn toàn hiểu được trí tuệ của Phật, nhưng có thể khiêm hạ và ngưỡng tin, như thế cũng có thể vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc, sẽ không dừng lại ở biên địa.

Thế nào là ngưỡng tin? Lấy kinh luận của Phật và tổ sư làm chỗ nương tựa duy nhất, không được tự mình nảy ra ý kiến riêng, mà phải hoàn toàn y giáo phụng hành. Hành giả tu Tịnh nghiệp cần nghiêm túc lĩnh hội tầm quan trọng của việc ngưỡng tin.

Những điều nói trên chính là mối nguy hại từ việc “tin sự mê lý” mà ra.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Lại có chúng sanh tích chứa thiện căn, mong cầu Phật trí, phổ biến trí, vô đẳng trí, uy đức quảng đại bất tư nghị trí, nhưng đối với thiện căn của chính mình, không sanh lòng tin, nên đối với việc vãng sanh cõi Phật thanh tịnh, ý chí do dự, không có chỗ dựa chuyên nhất, nhưng do liên tục niệm Phật không thôi, kết thiện nguyện ấy thành căn bản, nên vẫn được vãng sanh.

Có người sẽ hỏi: phía trước nói là bốn loại trí, chỗ này sao lại biến thành ba loại trí vậy? Đó là do khi hội tập kinh này đã sử dụng các bản dịch khác nhau. Bốn loại trí là của bản dịch thời Ngụy, ba loại trí là của bản dịch thời Đường. Đây chỉ là do người dịch triển khai hay hợp nhất khác nhau, còn nội dung nói về Phật trí đều như nhau. Uy đức quảng đại bất tư nghị trí tương đương với bất khả xưng trí và bất tư nghị trí; phổ biến trí tương đương với Đại thừa quảng trí; vô đẳng trí tương đương với vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí.

“Đối với thiện căn của chính mình, không sanh lòng tin”, loại chúng sanh này chỉ tin Phật bên ngoài mà không thể tin Phật tự tâm. Đối với phổ biến trí, vô đẳng trí, uy đức quảng đại bất tư nghị trí thì có thể sanh lòng tin, nhưng đối với tự tâm thì không thể sanh lòng tin. Tự tâm chính là Phật! Trong Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận nói: tất cả trí tuệ không rời tự tâm, đều chẳng có “ta” và “cái của ta”. Phạm phu hay thánh nhân đều như thế cả. Tự tâm đầy đủ tất cả trí tuệ, xưa nay vốn là Phật, chẳng phải ở ngoài tự tâm lại có một cái tâm khác, có một vị Phật khác. Nếu hồi hướng như thế thì gọi là “duy tâm Tịnh độ”, ngay lúc đó thấy được Phật tự tánh. Nếu tự tâm vẫn còn nghi hoặc, thì khó tránh khỏi việc hướng ra ngoài tâm tìm Phật. Thiên tông nói “cầu vị Phật có hình tướng ở bên ngoài, chẳng tương ưng gì với ông cả”. Hướng ra ngoài cầu vị Phật có hình tướng thì chẳng liên can gì đến bạn. Tự tâm vốn dĩ là Phật, tất cả chư Phật đều do tự tâm lưu lộ hiển hiện.

Trong kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới nói: tất cả chư Phật ba đời chỉ là nương vào tự tâm, ngoài ra không có pháp nào khác. Nếu biết rõ chư Phật và tất cả pháp đều do tự tâm hiển hiện, thì có thể đắc được tùy thuận nhẫn, chính là Bồ-tát Sơ địa. Sau khi xả thân, lập tức sanh về thế giới Diệu Hỷ, hoặc Tịnh độ Cực Lạc. Bởi vì ở trong tự tâm không có khoảng cách, tất cả công đức vốn tự đầy đủ.

“Nên đối với việc vãng sanh cõi Phật thanh tịnh, ý chí do dự, không có chỗ dựa chuyên nhất”, có trí tuệ quyết định mới có lòng tin quyết định, có lòng tin quyết định mới chắc chắn vãng sanh. Đã không có trí tuệ quyết định thì cũng sẽ không có lòng tin quyết định, chắc chắn cũng không có tín nguyện kiên định, đối với việc vãng sanh tự nhiên sẽ hoàn toàn không nắm chắc.

“Nhưng do liên tục niệm Phật không thôi, kết thiện nguyện ấy thành căn bản, nên vẫn được vãng sanh”, nhưng do vẫn niệm Phật liên tục, nhờ lực niệm Phật và lực phát nguyện ấy nên vẫn có thể được vãng sanh, nhưng chỉ có thể sanh đến biên địa. Sau khi vãng sanh Cực Lạc vẫn không được thấy Phật nghe pháp, như vậy đã mất đi lợi ích lớn rồi.

Ở trên nêu rõ mối nguy hại của việc “tin Phật bên ngoài, mê mờ tự tánh” gây ra.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Những người này, do nhân duyên ấy, tuy sanh về nước kia, nhưng không thể đến thẳng chỗ Phật Vô Lượng Thọ, chỉ dừng ở trong thành thất bảo nơi biên giới của cõi Phật. Phật chẳng hề khiến như vậy, nhưng do thân hạnh làm ra, nên tâm họ tự hướng đến nơi ấy. Ở đó cũng có ao báu, tự nhiên thọ thân trong hoa sen, ăn uống sung sướng như ở trời Đao-lợi. Nhưng ở trong thành đó không thể ra khỏi, nhà cửa ở trên mặt đất, không thể cao lớn tùy ý. Trong 500 năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, không thấy Bồ-tát, thánh chúng Thanh văn. Trí tuệ của những người đó không sáng suốt, biết kinh pháp lại ít, tâm không mở mang, ý không vui vẻ, nên đối với những người như vậy, gọi là thai sanh.

Đoạn kinh văn này được chia làm ba đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Những người này, do nhân duyên ấy, tuy sanh về nước kia, nhưng không thể đến thẳng chỗ Phật Vô Lượng Thọ, chỉ dừng ở trong thành thất bảo nơi biên giới của cõi Phật. Phật chẳng hề khiến như vậy, nhưng do thân hạnh làm ra, nên tâm họ tự hướng đến nơi ấy.”

“Những người này”, chỉ cho hai loại chúng sanh có tâm nghi hoặc đã nói ở trên.

“Do nhân duyên ấy, tuy sanh về nước kia, nhưng không thể đến thẳng chỗ Phật Vô Lượng Thọ”, do nhân duyên tu thiện niệm Phật, phát nguyện cầu sanh mà chiêu cảm việc sanh về biên địa của Cực Lạc, nhưng không thể thấy Phật nghe pháp.

“Phật chẳng hề khiến như vậy”, đây không phải do Phật khiến họ phải như thế, mà hoàn toàn do sự nghi hoặc của tâm họ tạo ra.

“Nhưng do thân hạnh làm ra, nên tâm họ tự hướng đến nơi ấy”, như kinh Hoa Nghiêm nói: “Nên quán tánh pháp giới, thấy đều do tâm tạo.” Vì tâm sanh thì đủ loại pháp sanh, thế nên địa ngục, thiên đường, uế độ, Tịnh độ đều là do tự tâm hiển hiện. Thân này sanh vào nơi nào đều do nghiệp lực của chính mình lôi kéo dẫn dắt.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Ở đó cũng có ao báu, tự nhiên thọ thân trong hoa sen, ăn uống sung sướng như ở trời Đao-lợi. Nhưng ở trong thành đó không thể ra khỏi, nhà cửa ở trên mặt đất, không thể cao lớn tùy ý. Trong 500 năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, không thấy Bồ-tát, thánh chúng Thanh văn.”

Chúng sanh sanh về biên địa chẳng phải là thai sanh nơi thế gian, thực tế cũng là tự nhiên hóa sanh trong hoa sen. Sinh hoạt ăn uống vui sướng giống như cõi trời Đao-lợi, nhưng họ ở trong nghi thành, không thể ra khỏi. Cung điện của họ không thể bay lên hư không, cũng không thể tùy ý cao lớn. Trong 500 năm không thể thấy Phật nghe pháp, thường xuyên không gặp được Tam bảo.

Về câu “trong 500 năm” nên hiểu thế nào? Ngài Cảnh Hưng nói: đây là chỉ cho 500 năm ở nhân gian, nhưng đối với thời gian này cũng không nên quá chấp trước. Như trong Quán kinh nói: người hạ phẩm hạ sanh ở trong hoa sen mãi 12 đại kiếp mới có thể ra khỏi, đây thuộc về thời gian khá dài. Lại như cư sĩ Viên Hoằng Đạo thời nhà Minh, nhờ công đức soạn sách Tây Phương Hợp Luận mà vãng sanh về biên địa; nhưng do trí tuệ của ông sắc bén, không bao lâu sau đã có thể thấy Phật nghe pháp. Cho nên, thời gian không phải là một con số cố định, sám hối đoạn nghi mới là then chốt để rời khỏi biên địa.

Đoạn nhỏ thứ ba:

“Trí tuệ của những người đó không sáng suốt, biết kinh pháp lại ít, tâm không mở mang, ý không vui vẻ, nên đối với những người như vậy, gọi là thai sanh.”

“Trí tuệ của những người đó không sáng suốt”, những chúng sanh này trong tâm vẫn còn nghi hoặc, trí tuệ rất khó khai mở sáng suốt.

“Biết kinh pháp lại ít”, đối với đạo lý trong kinh điển Đại thừa, những gì họ biết được không nhiều.

“Tâm không mở mang, ý không vui vẻ”, do cấu nhiễm sâu nặng, nghi ngờ lo âu trùng trùng, nên chẳng thể được tâm khai ý giải, không hưởng thụ được pháp lạc của Đại thừa.

“Nên đối với những người như vậy, gọi là thai sanh”, do những nguyên nhân nêu trên mà gọi những chúng sanh như vậy là thai sanh.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Nếu có chúng sanh tin rõ Phật trí, cho đến thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc, tin vào thiện căn của mình, làm các công đức, chí tâm hồi hướng, thì đều tự nhiên ngồi kiết-già, hóa sanh trong hoa bảy báu. Trong khoảnh khắc, thân tướng, quang minh, trí tuệ, công đức thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát. Di-lặc nên biết, hạng hóa sanh đó là do trí tuệ thù thắng. Hạng thai sanh kia trong 500 năm không thấy Tam bảo, không biết pháp thức của Bồ-tát, không được tu tập công đức, không có nhân duyên phụng sự Phật Vô Lượng Thọ. Phải biết hạng người này, đời trước không có trí tuệ, do tâm nghi hoặc mà ra.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Nếu có chúng sanh tin rõ Phật trí, cho đến thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc, tin vào thiện căn của mình, làm các công đức, chí tâm hồi hướng, thì đều tự nhiên ngồi kiết-già, hóa sanh trong hoa bảy báu. Trong khoảnh khắc, thân tướng, quang minh, trí tuệ, công đức thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát.”

“Tin rõ Phật trí”, bên ngoài là ngưỡng mộ chư Phật, Bồ-tát.

“Tin vào thiện căn của mình”, bên trong là xem trọng tự tâm.

Hai câu này rất quan trọng, thiếu một câu cũng không được. Nếu có chúng sanh nào có thể đoạn trừ nghi hoặc, thấu đạt và tin sâu trí tuệ của Phật, tin sâu tự tâm; đồng thời làm nhiều công đức, đem những việc này hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Lúc lâm chung, họ sẽ ngồi kiết-già tự nhiên hóa sanh ở trong hoa sen nơi ao

bảy báu. Trong khoảnh khắc, đầy đủ quang minh trí tuệ, thân sắc tướng hảo, công đức viên mãn thành tựu, giống như các đại Bồ-tát. Do vậy, vãng sanh là một đại sự nhân duyên.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Di-lặc nên biết, hạng hóa sanh đó là do trí tuệ thù thắng. Hạng thai sanh kia trong 500 năm không thấy Tam bảo, không biết pháp thức của Bồ-tát, không được tu tập công đức, không có nhân duyên phụng sự Phật Vô Lượng Thọ. Phải biết hạng người này, đời trước không có trí tuệ, do tâm nghi hoặc mà ra.”

“Hạng hóa sanh đó”, những vị Bồ-tát hóa sanh này là vì có trí tuệ thù thắng.

“Hạng thai sanh kia”, những chúng sanh ở biên địa là do trong tâm không có trí tuệ, vẫn còn tâm nghi hoặc mà gây nên. Họ trong 500 năm không thấy Tam bảo, không biết cách tu trì của Bồ-tát, không thể tu tập các loại công đức, không có nhân duyên phụng sự chư Phật. Cho nên, việc “đoạn nghi sanh tín” là vô cùng quan trọng. Chẳng những Tịnh độ tông như vậy, mà Thiền tông cũng như thế.

Bài kệ trong kinh Kim Cang nói: “Đoạn nghi sanh tín, dứt tướng siêu tông, quét sạch nhân pháp, ngộ chân không.” Duy chỉ có đoạn trừ nghi hoặc mới có thể sanh khởi chánh tín. Chỉ khi sanh khởi chánh tín mới có thể hoàn toàn vượt khỏi các “tướng”, vượt lên trên mọi “tông”, thoát nhiên quên sạch cả “nhân” và “pháp”, mới thể nhập và thấu hiểu được “chân không”. Cho nên, sau khi nhập vào vô tâm tam-muội thì mới có chuyện khai ngộ.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!